

# Mental health services glossary

ENGLISH	VIETNAMESE
<b>Mental health services glossary</b>	<b>Bảng thuật ngữ dịch vụ y tế tâm thần</b>
<i>This information has been drawn from a range of healthcare and government websites</i>	<i>Đây là thông tin trích từ các trang mạng về chăm sóc y tế và chính phủ</i>
<b>1. Anonymous:</b>	<b>1. Ẩn danh:</b>
Means 'not identified by name' or 'with no name'. For instance, an anonymous letter is one that is not signed.	Có nghĩa là 'không xác định bằng tên' hoặc 'không có tên'. Chẳng hạn như lá thư nặc danh là lá thư không có chữ ký.
<b>2. Assessment:</b>	<b>2. Đánh giá:</b>
When a health practitioner asks you questions about your mental or physical health. They may also do tests or a physical examination. This will help identify any problems or needs and find the best ways to address them. See also 'Diagnosis'.	Là khi bác sĩ hỏi quý vị về sức khỏe tinh thần hoặc thể chất của quý vị. Họ cũng có thể làm các xét nghiệm hoặc khám sức khỏe. Điều này sẽ giúp xác định bất kỳ vấn đề hoặc nhu cầu nào và tìm cách tốt nhất để đối phó. Xem thêm 'Chẩn đoán'.
<b>3. Carer:</b>	<b>3. Người chăm sóc:</b>
A carer is someone who is responsible for looking after another person, for example, a person who has a disability, or is ill or very young.	Người chăm sóc là người chịu trách nhiệm chăm sóc người khác, ví dụ như người bị khuyết tật, hoặc bị bệnh hoặc rất nhỏ tuổi.
<b>4. Case Manager:</b>	<b>4. Nhân viên phụ trách:</b>
Someone who assesses your needs, advises you, and can represent your needs with services (with your permission). A case manager may link you with services and activities that can help you. They are the central point of contact for you so that you do not have to ask different people for help.	Là người đánh giá nhu cầu của quý vị, hướng dẫn cho quý vị, và có thể bên vực cho nhu cầu của quý vị đối với các dịch vụ (khi quý vị đồng ý). Nhân viên phụ trách có thể liên kết quý vị với các dịch vụ và các sinh hoạt có thể giúp quý vị. Họ là điểm tiếp xúc chính của quý vị để quý vị không phải nhờ nhiều người khác nhau giúp đỡ.
<b>5. CAT Team:</b>	<b>5. Toán CAT:</b>
The Crisis Assessment and Treatment Team (CATT) is a team of mental health professionals. They provide assessment and intensive community treatment to people who are in crisis or experiencing serious mental illness. This is a crisis service only.	Toán Thẩm định Trường hợp Khủng hoảng và Điều trị (CATT, Crisis Assessment and Treatment Team) là đội ngũ nhân viên y tế tâm thần. Họ cung cấp dịch vụ thẩm định và điều trị cộng đồng chuyên sâu cho người đang trong tình trạng khủng hoảng hoặc bị bệnh tâm thần trầm trọng. Dịch vụ này chỉ dành cho trường hợp khủng hoảng.
<b>6. Clinical:</b>	<b>6. Lâm sàng:</b>
Means the same as 'medical'.	Có nghĩa giống như từ 'y khoa'.

## Mental health services glossary

<p><b>7. Clinician:</b> A healthcare professional that has direct contact with patients. For example, nurses, doctors, dentists or psychologists are 'clinicians'.</p>	<p><b>7. Chuyên viên y tế lâm sàng:</b> Chuyên viên y tế có tiếp xúc trực tiếp với bệnh nhân. Ví dụ như y tá, bác sĩ, nha sĩ hoặc chuyên viên tâm lý là 'chuyên viên y tế lâm sàng'.</p>
<p><b>8. Community Mental Health Services:</b> Are generally for people with severe forms of mental illness. They are generally based in a clinic and free to the public. They have different types of mental health professionals, including case managers, psychiatrists, social workers, occupational therapists, psychologists and drug and alcohol workers.</p>	<p><b>8. Các Dịch vụ Y tế Tâm thần Cộng đồng:</b> Nói chung là dành cho người bị bệnh tâm thần trầm trọng. Các dịch vụ này thường đặt trụ sở tại phòng khám và miễn phí cho công chúng. Họ có các chuyên viên y tế tâm thần khác nhau, bao gồm nhân viên phụ trách, bác sĩ tâm thần, nhân viên xã hội, chuyên viên phục hồi chức năng, chuyên viên tâm lý và nhân viên đặc trách ma túy và bia rượu.</p>
<p><b>9. Confidentiality:</b> This means that the information you give to a healthcare professional is private. The healthcare professional must get your agreement before sharing the information with anyone. They need your permission ('consent') to share your information.</p>	<p><b>9. Bảo mật:</b> Từ này có nghĩa là thông tin do quý vị cung cấp cho chuyên viên y tế phải được giữ kín. Các chuyên viên y tế phải được quý vị đồng ý trước khi chia sẻ thông tin với bất cứ ai khác. Họ cần được quý vị cho phép ('ưng thuận') để chia sẻ thông tin của quý vị.</p>
<p><b>10. Counselling:</b> A conversation or a series of conversations between you and a counsellor. Counselling usually focuses on a specific problem and the steps to address or solve it. It can help you deal with a problem or make decisions when you are unsure which one is best.</p>	<p><b>10. Tư vấn:</b> Buổi trò chuyện hoặc các buổi trò chuyện giữa quý vị và nhân viên tư vấn. Tư vấn thường tập trung vào một vấn đề cụ thể và các bước để đối phó hoặc giải quyết. Dịch vụ tư vấn có thể giúp quý vị đối phó với một vấn đề hoặc đưa ra quyết định khi quý vị không biết cách nào là tốt nhất.</p>
<p><b>11. Diagnosis:</b> The identification of an illness or other problem (see also 'assessment').</p>	<p><b>11. Chẩn đoán:</b> Xác định bệnh hoặc vấn đề khác (xem thêm 'đánh giá').</p>
<p><b>12. Disability Pension:</b> Provides financial support if you have a physical, intellectual or psychiatric condition that stops you from working.</p>	<p><b>12. Trợ cấp khuyết tật:</b> Cung cấp hỗ trợ tài chính nếu quý vị bị vấn đề sức khỏe về thể chất, trí tuệ hoặc tâm thần khiến quý vị không thể đi làm.</p>



## Mental health services glossary

<p><b>13. Disability Support Worker:</b> Provides you with personal, physical and emotional support if you require assistance with daily living. A Disability Support Worker can help with showering, dressing and eating, and assist with outings and other social activities.</p>	<p><b>13. Nhân viên Hỗ trợ Người khuyết tật:</b> Hỗ trợ riêng cho quý vị về thể chất và tinh thần nếu quý vị cần có người trợ giúp trong cuộc sống hàng ngày. Nhân viên Hỗ trợ Người khuyết tật có thể giúp với những việc như tắm gội, thay quần áo và ăn uống, và hỗ trợ đi chơi ngoài trời và các sinh hoạt xã hội khác.</p>
<p><b>14. Episode:</b> A period of time in which someone is affected by a specified illness, such as psychosis. An 'episode' has a beginning and an end (as opposed to a chronic condition).</p>	<p><b>14. Cơn:</b> Một khoảng thời gian khi một người bị ảnh hưởng bởi một căn bệnh nhất định, chẳng hạn như bị rối loạn tâm thần. Một 'cơn' có điểm bắt đầu và điểm kết thúc (khác với bệnh kinh niên).</p>
<p><b>15. General Practitioner/GP:</b> Family doctors in Australia are also called General Practitioners (GP). Some doctors work in health centres and hospitals and some work in their own offices. All GPs have university degrees. You can make your own appointment with the GP when you are sick or feeling unwell, or if you want a health check-up to make sure you don't have any health problems. If unable to attend an appointment, you must phone and cancel it.</p>	<p><b>15. Bác sĩ đa khoa/GP:</b> Bác sĩ gia đình ở Úc còn gọi là Bác sĩ đa khoa (GP, General Practitioner). Một số bác sĩ làm việc tại các trung tâm y tế và bệnh viện và một số bác sĩ khác làm việc tại phòng mạch riêng của họ. Tất cả bác sĩ đa khoa đều có bằng đại học. Quý vị có thể tự đặt hẹn với bác sĩ đa khoa (GP) khi bị ốm/bệnh hoặc cảm thấy không khoẻ, hoặc nếu quý vị muốn khám sức khoẻ để bảo đảm rằng quý vị không bị vấn đề nào về sức khoẻ. Nếu không thể giữ hẹn, quý vị phải gọi điện thoại thông báo và hủy bỏ.</p>
<p><b>16. Harm/self-harm:</b> Means 'injury'. It can be physical, psychological, sexual or due to neglect. 'Self-harm' describes what happens when someone intentionally hurts themselves.</p>	<p><b>16. Gây hại/tự hại:</b> Có nghĩa là 'thương tật'. Nó có thể là thể chất, tâm lý, tình dục hoặc vì bị bỏ bê. 'Tự hại' mô tả những gì xảy ra khi một người nào đó cố ý tự gây tổn thương.</p>
<p><b>17. Mental Health Care Plan:</b> For people with a mental illness who have several healthcare professionals working with them. A Care Plan explains the support provided by each of those professionals and when treatment is necessary. Your GP will use a Care Plan to help you work out what services you need, set goals, and decide on the best treatment for you.</p>	<p><b>17. Kế hoạch Chăm sóc Sức khỏe Tâm thần:</b> Dành cho những người bị bệnh tâm thần, được một số chuyên viên y tế giúp đỡ. Kế hoạch Chăm sóc ghi chi tiết từng chuyên viên sẽ trợ giúp như thế nào và khi nào cần phải điều trị. Bác sĩ đa khoa (GP) của quý vị sẽ sử dụng Kế hoạch Chăm sóc để giúp quý vị tìm ra những dịch vụ nào quý vị cần, đặt mục tiêu và quyết định cách điều trị tốt nhất cho quý vị.</p>



## Mental health services glossary

<p><b>18. National Disability Insurance Scheme (NDIS):</b></p>	<p><b>18. Chương trình Bảo hiểm Người khuyết tật Toàn quốc (NDIS):</b></p>
<p>Provides support for Australians with disability, their families and carers. It is funded by the Federal Government.</p>	<p>Hỗ trợ người dân Úc bị khuyết tật, gia đình và người chăm sóc của họ. Chương trình này do Chính phủ Liên bang tài trợ.</p>
<p><b>19. Occupational Therapist (OT):</b></p>	<p><b>19. Chuyên viên Phục hồi Chức năng (hoặc OT):</b></p>
<p>These workers focus on your ability to perform your daily activities. They aim to improve your independence. They have particular skills in problem solving, and breaking down activities or tasks to make them easier to manage and learn. They can also provide advice and assistance on what equipment can help.</p>	<p>Những nhân viên này tập trung vào khả năng quý vị có thể thực hiện các sinh hoạt hàng ngày. Mục đích của OT là nâng cao khả năng sinh hoạt độc lập của quý vị. Họ có những kỹ năng cụ thể về việc giải quyết vấn đề và chia các sinh hoạt hoặc công việc thành nhiều phần để giúp quý vị thực hiện và tập luyện dễ dàng hơn. Họ cũng có thể tư vấn và trợ giúp về những thiết bị nào có thể có ích.</p>
<p><b>20. Peer Worker:</b></p>	<p><b>20. Nhân viên đồng bạn:</b></p>
<p>A person who understands your needs based on their own experience. For instance, a Peer Worker providing support about a mental health problem will themselves have experienced problems with their mental health.</p>	<p>Người hiểu nhu cầu của quý vị dựa trên kinh nghiệm của họ. Ví dụ: Nhân viên Đồng bạn hỗ trợ quý vị về vấn đề sức khỏe tâm thần mà chính bản thân họ đã trải qua vấn đề sức khỏe tâm thần đó.</p>
<p><b>21. Psychiatrist:</b></p>	<p><b>21. Bác sĩ tâm thần:</b></p>
<p>A doctor who has additional qualifications in helping people with mental health problems. As well as therapy, they may prescribe medications.</p>	<p>Bác sĩ này có thêm bằng cấp về lĩnh vực giúp đỡ người bị vấn đề về sức khỏe tâm thần. Ngoài liệu pháp, họ có thể kê toa thuốc.</p>
<p><b>22. Psychologist:</b></p>	<p><b>22. Chuyên viên tâm lý:</b></p>
<p>A professional that can help you develop healthy coping and problem-solving skills. People with anxiety and depression will often be referred to a psychologist. Psychologists seek to build a relationship of trust so you will feel safe in sharing your thoughts and feelings. A psychologist cannot prescribe medications.</p>	<p>Chuyên viên này có thể giúp quý vị rèn luyện kỹ năng đối phó và giải quyết vấn đề một cách lành mạnh. Người bị lo lắng và trầm cảm thường sẽ được giới thiệu đến chuyên viên tâm lý. Chuyên viên tâm lý tìm cách xây dựng mối quan hệ tin cậy để quý vị cảm thấy yên tâm thổ lộ suy nghĩ và cảm xúc của mình. Chuyên viên tâm lý không được phép kê toa thuốc.</p>
<p><b>23. Psychosocial:</b></p>	<p><b>23. Tâm lý xã hội:</b></p>
<p>An approach that looks at you in the context of your social environment. It looks at how the combination of social environment and psychological factors affect your physical and mental health.</p>	<p>Phương thức tìm hiểu về quý vị trong bối cảnh môi trường xã hội của quý vị. Phương thức này tìm hiểu về môi trường xã hội và các</p>



## Mental health services glossary

	yếu tố tâm lý kết hợp ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe thể chất và tinh thần của quý vị.
<b>24. Referral:</b> A letter from your doctor to a specialist asking for an appointment for you. If the referral is to a specialist in a public hospital, the hospital will contact you to make an appointment. If it is to a private specialist, you will need to make the appointment yourself.	<b>24. Giới thiệu:</b> Lá thư của bác sĩ của quý vị gửi đến chuyên viên yêu cầu một cuộc hẹn cho quý vị. Nếu thư giới thiệu được gửi đến bác sĩ chuyên khoa trong bệnh viện công, bệnh viện sẽ liên lạc với quý vị để hẹn ngày giờ cho cuộc hẹn. Nếu đó là bác sĩ chuyên khoa tư nhân, quý vị sẽ phải tự đặt cuộc hẹn.
<b>25. Rehabilitation:</b> The action of helping you go back to health or normal life through training and therapy, for instance after an illness or an operation.	<b>25. Phục hồi chức năng:</b> Việc giúp quý vị phục hồi sức khỏe hay cuộc sống thường lệ bằng cách tập luyện và điều trị, ví dụ như sau khi bị bệnh hoặc phẫu thuật.
<b>26. Respite:</b> Short-term rest for carers. During respite, you will be looked after by someone else than your usual carer.	<b>26. Chăm sóc tạm thế:</b> Nghỉ ngơi ngắn hạn cho người chăm sóc. Trong thời gian chăm sóc tạm thế, quý vị sẽ được người chăm sóc khác chăm sóc thay cho người chăm sóc thường lệ.
<b>27. Social Worker:</b> Social workers can provide practical support, counselling, information and emotional support. Families, children, students, hospital patients or the elderly may all see a social worker. Social workers can help with problems such as homelessness, domestic violence, alcohol and drug addiction, sexual assault and child abuse. Social workers need a university degree to be able to practice.	<b>27. Nhân viên xã hội:</b> Nhân viên xã hội có thể hỗ trợ thực tế, tư vấn, cung cấp thông tin và hỗ trợ tinh thần. Gia đình, trẻ em, sinh viên/học sinh, bệnh nhân trong bệnh viện hoặc người cao niên đều có thể sử dụng nhân viên xã hội. Nhân viên xã hội có thể giúp giải quyết các vấn đề như vô gia cư, bạo hành trong gia đình, cai nghiện bia rượu, ma túy, xâm hại tình dục và ngược đãi trẻ em. Nhân viên xã hội cần phải có bằng đại học mới được hành nghề.
<b>28. Symptoms:</b> A sign or indication of something, for instance an illness or other problem with your health.	<b>28. Triệu chứng:</b> Dấu hiệu hoặc chỉ dấu của một điều gì đó, ví dụ như bệnh hoặc vấn đề khác về sức khỏe của quý vị.
<b>29. Treatment:</b> Medical care given for an illness or injury	<b>29. Điều trị:</b> Chăm sóc y tế khi bệnh tật hoặc thương tích
<b>30. Triage:</b> The action of deciding the order in which patients will be treated, based on the urgency of their injuries or illness. Typically, the Emergency	<b>30. Phân bệnh:</b> Việc quyết định thứ tự bệnh nhân sẽ được điều trị dựa trên mức độ khẩn cấp của thương tích hoặc bệnh tật của họ. Thông thường,



## Mental health services glossary

Department in a hospital has a 'triage nurse' who makes the decision of who needs to see a doctor most urgently.

Khoa Cấp cứu tại bệnh viện có 'y tá phân bệnh', người này quyết định ai cần gặp bác sĩ cấp bách nhất.

